

Bản án số: 522/2025/DS-PT

Ngày: 22 - 5 - 2025

V/v: Tranh chấp chia thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Anh Văn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Đăng Ry - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 415/2025/TLPT-DS ngày 20 tháng 3 năm 2025 về “Tranh chấp về chia thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2024/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1354/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Lâm Thị Mỹ D, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Số 133/21, đường X, phường 1X, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Lưu Tấn C, sinh năm 1953 (chết ngày 22/3/2012).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lưu Tấn C:

- Bà Lê Thị K, sinh năm 1959; vắng mặt.

- Bà Lưu Tấn Thị O, sinh năm 1975; có mặt.

- Bà Lưu Tấn Thị P, sinh năm 1977; vắng mặt.

- Ông Lưu Thành T, sinh năm 1994; vắng mặt.

- Ông Lưu Kim T1, sinh năm 1996; vắng mặt.

- Ông Lưu Thành T2, sinh năm 1998; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp L, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị K, bà Lưu Tấn Thị P, ông Lưu Kim T1, ông Lưu Thành T2, ông Lưu Thành T: Bà Lưu Tấn Thị O, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp L, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo văn bản ủy quyền ngày 29/10/2019; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lâm Thị Mỹ H, sinh năm 1958 (chết năm 2022);

Địa chỉ: ấp L, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh (chết ngày 07/11/2022).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H:

- Ông Trần Thanh T3, sinh năm 1988; có mặt.

- Bà Trần Thị Thanh T4, sinh năm 1986; có mặt.

Cùng địa chỉ: ấp L, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3.2. Ông Trần Thanh T3, sinh năm 1988; có mặt.

3.3. Bà Trần Thị Thanh T4, sinh năm 1986; có mặt.

Cùng địa chỉ: ấp L, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3.4. Bà Lâm Thị Mỹ N, sinh năm 1963; có mặt.

3.5. Bà Trương Lâm Thanh T5, sinh năm 1996; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 23/3, đường N, phường X, quận 1X, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Lâm Thanh T5: Bà Lâm Thị Mỹ N, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 23/3, đường N, phường X, quận 1X, Thành phố Hồ Chí Minh theo văn bản ủy quyền ngày 01/11/2019; có mặt.

3.6. Bà Lưu Tấn Thị O, sinh năm 1975; có mặt.

3.7. Bà Lưu Tấn Thị P, sinh năm 1977; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp L, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lưu Tấn Thị P: Bà Lưu Tấn Thị O, sinh năm 1975; Địa chỉ: ấp L, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo văn bản ủy quyền ngày 29/10/2019; có mặt.

3.8. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1974;

Địa chỉ: 70E 187 Staps12 P 10458 USA; vắng mặt.

3.9. Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm: 1979; vắng mặt.

3.10. Ông Nguyễn Thái B2, sinh năm: 2000; vắng mặt.

3.11. Ông Trần Thanh Q, sinh năm: 1974; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp L, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3.12. Ủy ban nhân dân xã S, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hồ Tấn K, chức vụ: Chủ tịch, vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Lâm Thị Mỹ D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lâm Thị Mỹ D trình bày:

Cha bà là cụ Lưu Tấn H1 và mẹ là cụ Lê Thị Đ có 06 người con: bà Lâm Thị Mỹ D, ông Lưu Tấn T6 (chết 2006 chưa có vợ), bà Lâm Thị Mỹ H (chết 2022), bà Lâm Thị Mỹ N, ông Lưu Tấn C chết năm 2012 (*ông C có vợ là bà Lê Thị K, và có 05 con chung là chị Lưu Tấn Thị O, chị Lưu Tấn Thị P, anh Lưu Thành T, anh Lưu Kim T1, anh Lưu Thành T2*) và một người con riêng của cụ Đ là bà Nguyễn Thị B (hiện đang định cư tại Hoa Kỳ).

Cụ H1 chết năm 1999, cụ Đ chết năm 2003 không để lại di chúc. Di sản của Cụ H1, cụ Đ để lại gồm: thửa đất 192 và thửa đất 193, diện tích khoảng 4.900m² cùng tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp Trà Nóc, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh do hộ bà Lê Thị Định đứng tên quyền sử dụng đất (hiện nay do vợ và con ông Lưu Tấn C quản lý) trên mảnh đất này có nhà thờ (hiện bà đang ở tạm) và nhà mồ; thửa 207, 208, 209 và 210 diện tích khoảng 2.700m² cùng tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp Trà Nóc, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh do cụ Đ đứng tên quyền sử dụng đất (hiện nay bà Lâm Thị Mỹ H đang quản lý sử dụng).

Nay, bà yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa 192 và 193 diện tích khoảng 4.900m² cho 04 người con còn lại, cho mỗi người 1.000m² trong đó bà xin được hưởng 1.000m² và còn lại 900m² cùng với căn nhà bà xin quản lý để thờ cúng. Đối với bốn thửa 207, 208, 209 và 210 diện tích chung khoảng 2.700m² là của bà H nhận chuyển nhượng của người khác, không phải đất của bà Định nên bà không yêu cầu chia.

- Bà Lưu Tấn Thị O là người đại diện theo ủy quyền cho bà Lê Thị K, Lưu Tấn Thị P, Lưu Kim T1, Lưu Thành T2, Lưu Thành T cũng là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn Lưu Tấn C trình bày:

Thông nhất lời trình bày của bà D về quan hệ họ hàng. Về di sản của Cụ H1, cụ Đ đối với thửa 192 và 193 diện tích khoảng 4.900m² do bà nội là cụ Đ được nhà nước cấp theo chương trình giãn dân, sau đó Nhà nước có chủ trương đất của ai phải trả lại cho chủ cũ, từ đó cụ Đ cùng với cha của bà là ông Lưu Tấn C, bà Lâm Thị Mỹ N, bà và em bà Lưu Tấn Thị P cùng ở chung hộ làm dành dụm mua lại thửa đất này từ chủ cũ tên là ông Thạch Sane được sử dụng ổn định và tất cả thành viên trong hộ đồng ý cho cụ Đ đứng tên quyền sử dụng đất. Bà và bà Lưu Tấn Thị P đã sinh sống trên đất từ khi còn nhỏ cho đến nay.

Hiện trên hai thửa đất này có các căn nhà như sau:

- Nhà thờ do bà Lâm Thị Mỹ N và bà Nguyễn Thị B tu sửa thành nhà tường;
- Nhà của cha là Lưu Tấn C (hiện do vợ và con ông C quản lý);
- Nhà của bà Lâm Thị Mỹ H và nhà của chị là Lưu Tấn Thị O xây dựng trên đất diện tích 400m²;
- Nhà của bà Lưu Tấn Thị P xây dựng trên diện tích 300m².

Nhà ở của bà được cụ Đ cho riêng lúc cụ Đ còn sống nhưng do giấy đỏ bà H mượn thế chấp Ngân hàng nên không đăng ký tách thửa được cho đến khi cụ Đ chết. Bà thống nhất yêu cầu chia thừa kế mảnh đất hai thửa 192 và 193 của bà D, ngày 25/5/2015 bà có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu trong tổng diện tích 4.900m² của thửa 192 và 193 yêu cầu phải trừ ra diện tích mà cụ Đ đã cho bà là 400m² phần còn lại mới chia thừa kế. Ngoài ra, cụ Đ còn đứng tên bốn thửa khác là 207, 208, 209 và 210 diện tích chung 2.700m² cùng tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp Trà Nóc, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, hiện nay bà H đang quản lý.

Nay bà O yêu cầu như sau: Nếu bà H có được bốn thửa 207, 208, 209 và 210 nhưng vẫn yêu cầu chia thừa kế hai thửa 192 và 193 thì bà yêu cầu Tòa án chia thừa kế cho các đồng thừa kế của cụ Đ tại thời điểm cấp giấy năm 1997 đối với các thửa 192, 193, 207, 208, 209 và 210, yêu cầu chia đều phần đất tranh chấp cho các thành viên trong hộ.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lưu Tấn Thị P trình bày:* Bà thống nhất chia thừa kế hai thửa 192 và 193 theo yêu cầu của bà D và ngày 25/5/2015 có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu trong tổng diện tích 4.900m² của thửa 192 và 193 phải trừ ra diện tích mà cụ Đ đã cho bà là 300m² phần còn lại mới chia thừa kế.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Mỹ N và là người đại diện cho chị Trương Lâm Thanh T5 trình bày:*

Thống nhất lời trình bày của bà D về quan hệ thân tộc. Về phần tài sản của cụ Đ, cụ thể như sau: Căn nhà số 133/21 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Căn nhà này do bà B, bà H và bà D tự ý bán vào năm 1980 để chia nhau hiện nay không còn. Diện tích đất nông nghiệp 11.000m² tại ấp L, xã S, huyện C. Diện tích đất này lúc cha mẹ còn sống đã chia đều cho các con mỗi người 2.000m². Thửa 192 và 193 diện tích khoảng 4.900m², do chính sách giãn dân cấp cho hộ gia đình trong đó có bà, ông C và cụ Đ. Đến năm 1993 thì bà và ông C cùng các con đồng ý cho mẹ là cụ Đ đứng tên quyền sử dụng đất, đến năm 1995 trong ngày cưới có sự chứng kiến hai họ, cha mẹ bà tuyên bố cho bà mảnh đất hai thửa 192 và 193 này trong đó có nhà thờ tổ tiên để sau này lo hương quả cho gia tộc, căn nhà này bà và bà B đã xây dựng lại thành nhà tường vào năm 1996. Ngoài ra cụ Đ còn đứng tên mảnh đất bốn thửa 207, 208, 209 và 210 tổng diện tích khoảng 2.700m² cùng tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp

Trà Nóc, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Bà yêu cầu Tòa án chia thừa kế hết các thửa đất 192, 193, 207, 208, 209 và 210 cho các đồng thừa kế của cụ Đ tại thời điểm cấp giấy năm 1997, yêu cầu chia đều phần đất tranh chấp cho các thành viên trong hộ. Theo bà thành viên hộ khi cụ Đ còn sống gồm có: cụ Đ, bà N, bà P, cháu T, T, Thanh T. Thời điểm đó bà Lưu Tấn Thị O không có hộ khẩu nhưng thực tế bà O vẫn sinh sống trên đất tranh chấp từ khi còn nhỏ cho đến khi cụ Đ chết năm 2003. Do đó, trong thửa 192 và 193 yêu cầu trừ ra cho bà O 400m² và trừ ra 500m² có mồ mả tổng cộng 900m²; còn lại 4.000m² chia cho 07 người là Lưu Tấn H1, Lê Thị Đ, Lâm Thị Mỹ N, Lưu Tấn Thị P, Trần Thị Thanh T4, Trần Thanh T3, Trương Lâm Thanh T5, mỗi người hưởng 571,4m².

Ngày 12/9/2019 bà N có đơn thay đổi yêu cầu không yêu cầu chia thừa kế các thửa đất 207, 208, 209 và 210 chỉ yêu cầu chia thừa đất 192 và 193 cho thành viên hộ gia đình và chia thừa kế phần đất của Cụ H1 và cụ Đ chết để lại.

- *Lời trình bày của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Mỹ H trong hồ sơ vụ án:* Thống nhất lời trình bày của bà D về yêu cầu chia thừa kế 02 thửa đất 192 và 193 là di sản của cụ Đ để lại và xin được hưởng 1.000m² trong tổng diện tích 4.900m²; 900m² còn lại không chia thừa kế mà sẽ giao bà D quản lý, khi bà D không còn quản lý được sẽ do bà quản lý, sau đó mới tới lượt bà N quản lý, các con của cụ Đ không ai được phép sang nhượng đất cho người khác. Đối với bốn thửa 207, 208, 209 và 210 tổng diện tích 2.700m² cùng tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp Trà Nóc, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh do cụ Đ đứng tên quyền sử dụng đất, hiện nay bà đang quản lý thì bà không đồng ý chia thừa kế, vì bốn thửa đất này là tài sản riêng của bà mua năm 1994 của ông Nguyễn Tuấn Thanh và bà Nguyễn Thị Nô với giá 07 chỉ rưỡi vàng 24 kara, do lúc đó bà đang ở Sài Gòn không ở chung hộ khẩu chỉ có con bà là cháu T4 ở chung hộ nên mới cho mẹ của bà đứng tên dùm. Yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân của bà 04 thửa đất nêu trên và yêu cầu Tòa án phải ra quyết định cho bà được quyền quản lý sử dụng các thửa đất này.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B trình bày:* Bà là con riêng của cụ Lê Thị Đ và ông Lê Văn T, lúc còn nhỏ sống với cụ Đ, phần nhà đất tranh chấp bà không có công sức đóng góp mà chỉ có gửi tiền về xây lại nhà thờ. Bà không có yêu cầu chia thừa kế nhà đất đang tranh chấp.

- Ông Lưu Thành T là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của bà Lưu Tấn Thị O.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh T3 và bà Trần Thị Thanh T4 thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của bà Lâm Thị Mỹ H.

Tại công văn số 46/UBND ngày 21/12/2023 của Ủy ban nhân dân (UBND) xã S: Diện tích 373,7 m² bà Lâm Thị Mỹ H tự ý cất nhà ở nằm trên đường kênh công cộng thuộc quyền quản lý của UBND xã. UBND xã không đồng ý giao diện tích này cho các đương sự để UBND xã làm đất công.

Vụ án đã qua hai lần xét xử sơ thẩm và hai lần xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

Ở lần xét xử sơ thẩm thứ ba này: Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 11/3/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh quyết định (tóm tắt):

Tuyên xử:

- Chia thừa kế của cụ Lưu Tấn H1 và cụ Lê Thị Định cho các thừa kế như sau:

1. Chia cho ông Lưu Tấn C được hưởng 1.389 m² đất. ông C chết nên các thừa kế của ông C gồm bà Lê Thị K, ông Lưu Thành T, ông Lưu Kim T1, ông Lưu Thành T2, bà Lưu Tấn Thị O, bà Lưu Tấn Thị P được nhận phần đất này.

Diện tích 1.398 m² có vị trí A1, B1, B3, B16, B6, G2 trên sơ đồ khu đất ngày 08/3/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh, trên đất có nhà của ông C bà Lê Thị K cùng các con đang quản lý.

2. Chia cho bà Lâm Thị Mỹ D được hưởng diện tích 454,2 m² có vị trí là A4, B8, B14 trên sơ đồ khu đất ngày 08/3/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh.

3. Chia cho bà Lâm Thị Mỹ H được hưởng 454,2m² đất. bà H đã chết nên các thừa kế là Trần Thanh T3 và Trần Thị Thanh T4 được nhận phần đất này. Diện tích 454,2 m² có vị trí A5, B9, B13 trên sơ đồ khu đất ngày 08/3/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh.

4. Chia cho bà Lâm Thị Mỹ N được hưởng 1.389 m² đất. Diện tích 1.389 m² có vị trí B2, G3, B7, A3, B15 trên sơ đồ khu đất ngày 08/3/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh, trên đất có căn nhà thờ của cụ Lê Thị Đ.

Đối với những phần đất bà Lâm Thị Mỹ D, bà Lâm Thị Mỹ N và bà Lâm Thị Mỹ H được chia nhưng hiện họ không trực tiếp sử dụng thì bà Lưu Tấn Thị O và những người đang quản lý, sử dụng thửa đất 192 và 193 phải có nghĩa vụ giao lại cho bà Lâm Thị Mỹ D, bà Lâm Thị Mỹ N và hàng thừa kế của bà Lâm Thị Mỹ H là ông Trần Thanh T3 và Trần Thị Thanh T4.

5. Giao cho chị Lưu Tấn Thị O được quyền sử dụng diện tích 439 m² đất có vị trí G5, G6, G7, G8, G9, B10, B12 trên sơ đồ khu đất ngày 08/3/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh.

6. Giao cho chị Lưu Tấn Thị P được sử dụng 300 m² đất có vị trí B4, G4, B5, A2 trên sơ đồ khu đất ngày 08/3/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh.

7. Phần còn lại là diện tích đường đi và khu mộ diện tích 603,5 m² (có vị trí B11, A6, G10 trên sơ đồ khu đất) gần nhà của chị Lưu Tấn Thị O nên giao cho chị O trong coi làm nơi chôn cất của gia đình.

Các diện tích đất nêu trên thuộc thửa 192 và 193, cùng tờ bản đồ số 6, loại đất trồng lúa, tọa lạc ấp Trà Nóc, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Để đảm bảo cho việc thi hành án, nghiêm cấm các đương sự không được thay đổi hiện trạng đất, di dời tài sản. Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước làm thủ tục cấp lại quyền sử dụng đất theo diện tích đất được chia theo quyết định của bản án.

(Kèm theo bản án là sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 189/VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 08/3/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh).

(Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và tuyên cho các đương sự quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật).

Ngày 25/3/2024, bà Lâm Thị Mỹ D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, xác định 02 thửa đất số 192, 193 diện tích 4.900m² là di sản của cha mẹ bà để lại và bà yêu cầu chia thừa kế 02 thửa đất trên cho 04 chị em bà gồm: bà (Mỹ D), Mỹ H, Mỹ N, và ông C mỗi người được hưởng 1000m² (hiện bà Mỹ H và ông C đã chết có những người thừa kế tham gia tố tụng được hưởng phần được chia). Phần còn lại 900m² bà yêu cầu để lại làm nhà thờ và nhà mộ thờ cúng cha mẹ ông bà và bà xin được quản lý để thờ cúng cha mẹ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Lâm Thị Mỹ D không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đồng thời không cung cấp thêm chứng cứ, tài liệu nào mới.

Bà Lâm Thị Mỹ N, bà Lưu Tấn Thị O, ông Trần Thanh T3, bà Trần Thị Thanh T4 đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát cấp phúc thẩm phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về đường lối giải quyết vụ án, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn là bà Lâm Thị Mỹ D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lâm Thị Mỹ H (khi còn sống) cho rằng các thửa đất số 192, 193, tờ bản đồ số 6, diện tích khoảng 4.900 m², tại ấp Trà Nóc, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh có nguồn gốc là của vợ chồng cụ Lưu Tấn H1, cụ Lê Thị Định (là cha mẹ đẻ của nguyên đơn, bị đơn). Cụ H1, cụ Đ qua đời không để lại di chúc, nên nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết chia thừa kế cho 04 (bốn) người con của hai cụ gồm bà D, ông C, bà H, bà N mỗi người được hưởng 1.000 m², diện tích còn lại làm nơi chôn cất và thờ cúng ông bà.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn (ông Lưu Tấn C) là chị Lưu Tấn Thị P, chị Lưu Tấn Thị O và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lâm Thị Mỹ N lại cho rằng phần đất nguyên đơn tranh chấp chia thừa kế có nguồn gốc là của gia đình được Nhà nước cấp đất giãn dân; đất có nguồn gốc là của gia đình ông Thạch Vĩnh trước đây đưa vào Tập đoàn sản xuất và Tập đoàn giao cho hộ gia đình Cụ H1, cụ Đ canh tác, khi Tập đoàn tan rã thì các thành viên trong hộ gia đình đã trả thành quả lao động cho chủ đất cũ do ông Thạch Sane đứng ra nhận, đồng thời thống nhất để cho cụ Đ đứng đại diện xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997.

Bà Lâm Thị Mỹ N cho rằng bà D và bà H đã được cha mẹ cho nhà đất riêng, hai thửa đất này khi bà lập gia đình được mẹ bà nói cho bà nên bà yêu cầu được hưởng nhà đất để thờ cúng cha mẹ và lo cho các cháu.

Chị Lưu Tấn Thị O, Lưu Tấn Thị P cho rằng được bà nội cho ở riêng nên chị O yêu cầu hưởng diện tích 400 m², chị P được hưởng 300 m² còn lại của hộ gia đình do cụ Đ đại diện xin chia thành viên hộ gia đình sau đó mới chia mới chia thừa kế cho bà D.

[2] Qua xem xét các chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện nguồn gốc thửa đất số 192 và 193 là của gia đình ông Thạch Vĩnh khi vào tập đoàn năm 1985 giao khoán lại gia đình cụ Đ sử dụng. Sau năm 1986 biến động đất đai (giải thể tập đoàn) đất của ai trả về chủ cũ nên gia đình cụ Đ có thanh toán thành quả lao động cho gia đình ông Vĩnh do ông Thạch Sane nhận mỗi công đất bằng 20 gia lúa. bà N khai thanh toán thành quả lao động cho chủ cũ vào năm 1991 từ thu hoạch lúa của 10.000 m² đất được Nhà nước cấp năm 1976. Thời điểm năm 1991 gia đình cụ Đ gồm cụ Đ, Cụ H1, bà N, ông C cùng canh tác lúa để có thu nhập trả tiền thành quả lao động cho chủ cũ. bà D cho rằng khi thanh toán 50 gia lúa sau bà có cho tiền cụ Đ để trả thành quả lao động cho chủ đất cũ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D còn trình bày ngoài việc bà đưa tiền cho cụ Đ thì bà còn đầu tư vào hai thửa đất thêm 3 cây vàng, nhưng bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh.

Ngày 05/12/1997 “Hộ bà Lê Thị Định” được UBND huyện Châu Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 192 diện tích 2.272,5 m² và thửa số 193, diện tích 2.691,6 m², cùng tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp Trà Nóc, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, tổng diện tích là 4.964,1 m². Thực tế tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ có Cụ H1, cụ Đ, bà N, ông C và chị P, chị O và chị Trương Lâm Thanh T5 con bà N cùng ở trên đất.

Theo quy định tại Điều 212 Bộ luật dân sự năm 2015: “*Tài sản của các thành viên trong hộ gia đình gồm tài sản do các thành viên đóng góp, cùng nhau tạo lập nên và những tài sản khác được xác lập quyền sở hữu theo quy định của Bộ luật dân sự và luật khác có liên quan*”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quyền sử dụng các thửa đất số 192, 193, tờ bản đồ số 6 nêu trên do Cụ H1, cụ Đ,

ông C và bà N là những người cùng có công sức thanh toán thành quả lao động cho chủ đất cũ, các thành viên khác không cùng đóng góp tạo lập nên xác định thửa đất 192,193 là của các thành viên hộ gia đình là Cụ H1, cụ Đ, ông C và bà N. Theo kết quả thẩm định tại chỗ do Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp ngày 02/02/2024 tổng diện tích tranh chấp bằng 5.403,8 m², trừ đi phần đất là nhà của bà Mỹ Hạnh cất trên đường đi 374,9 m². Diện tích còn lại bằng 5.028,9 m² đây là tài sản chung của hộ cụ Đ, Cụ H1, ông C và bà N.

[6] Chị Phải và chị Ôn không có công sức tạo lập tài sản chung của hộ gia đình nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của hai chị về chia tài sản chung của hộ gia đình là đúng. Song Tòa án cấp sơ thẩm xét thấy chị Ôn và chị Phải có quá trình chung sống cùng cụ Đ, ông C từ nhỏ, có cùng sử dụng và cải tạo quản lý đất, lớn lên cất nhà ở riêng nên đã trích công sức cải tạo, giữ gìn đất cho chị Ôn được hưởng 439 m², chị Phải được hưởng 300 m² (bằng phần diện tích đang thực tế quản lý, sử dụng) là hợp lý; trừ phần đường đi và khu mộ 603,5 m², còn lại chia đều cho các thành viên trong hộ gia đình gồm cụ Đ, Cụ H1, ông C, bà N mỗi người được hưởng 921,6 m² là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, di sản của Cụ H1, cụ Đ là 1.842,2 m².

[7] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định chính xác khối di sản, những người được hưởng thừa kế, từ đó phân chia thừa kế bằng hiện vật cho các đương sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà Lâm Thị Mỹ D kháng cáo yêu cầu được chia thừa kế 1.000 m² đất nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, nên không có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, xử:

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bà Lâm Thị Mỹ D, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 11/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

2/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Lâm Thị Mỹ D là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

3/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền

lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh (1);
- Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh (1);
- VKSND tỉnh Trà Vinh (1);
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh (1);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HS, VP, 29b, PMT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Anh Văn